

BÀI 7

SAU PHÚT CHIA LI

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*)

BÁNH TRÔI NƯỚC

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được nỗi sầu chia li sau phút chia tay, giá trị tố cáo chiến tranh phi nghĩa, niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi và giá trị của nghệ thuật ngôn từ trong đoạn thơ trích *Chinh phụ ngâm khúc* ; bước đầu hiểu thể thơ song thất lục bát.

– Thấy được vẻ xinh đẹp, bản lĩnh sắt son, thân phận chìm nổi của người phụ nữ trong bài thơ *Bánh trôi nước*.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trước hết để có tiềm lực trong khi giảng văn bản (dù chỉ là một đoạn trích), GV cần hiểu ít nhiều về thể loại ngâm khúc trong văn học Việt Nam thời trung đại. Đó là một thể loại thơ ca do người Việt Nam sáng tạo. Thể loại này có chức năng gần như là chuyên biệt trong việc diễn tả những tâm trạng sầu bi dằng dặc, triền miên của con người. Các thể loại khác cũng diễn tả tâm trạng buồn đau nhưng không mang tính chuyên biệt so với thể loại ngâm khúc. Ở Việt Nam thời trung đại, thể loại ngâm khúc xuất hiện chủ yếu vào giai đoạn chế độ phong kiến đã lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, đầy rẫy mâu thuẫn, gây nhiều đau thương tang tóc cho con người, nhất là người phụ nữ. Sự ra đời của thể loại ngâm khúc chính là do yêu cầu vừa để phản ánh, vừa để giải tỏa những nỗi buồn nặng nề, triền miên đó của thời đại. Thể loại sáng tác này đã đạt nhiều thành

tự, trong đó phải kể đến hai tác phẩm xuất sắc là *Chinh phụ ngâm khúc* (cũng gọi là *Chinh phụ ngâm*, nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn, có nhiều bản dịch) và *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều.

2. Thể loại ngâm khúc ở dạng tiêu biểu nhất đã được sáng tác theo thể song thất lục bát. Chú thích (★), trang 92, SGK đã giới thiệu thể thơ song thất lục bát. Điều cần lưu ý thêm là trong thể thơ song thất lục bát có hai câu 7 chữ (song thất) và một câu 6 – một câu 8 (lục bát), nhưng câu 7 chữ trong thể thơ này không giống với câu 7 chữ trong thất ngôn bát cú (Đường luật). Ở đây, câu 7 chữ được ngắt nhịp 3 – 4 (hoặc 3/2 – 2) trong khi câu 7 chữ của thất ngôn bát cú nói chung lại ngắt nhịp 4 – 3 (hoặc 2 – 2/3). Cách hiệp vần cũng khác (chữ cuối câu 7 trên hiệp với chữ 5 câu 7 dưới). Song thất lục bát có nhạc tính phong phú hơn so với lục bát. Nhà ngôn ngữ học Phan Ngọc từng nói về thơ song thất lục bát như sau : "Cần phải có hình thức ấy, tình cảm mới có thể mang hình thức một đợt sóng đi lên với hai câu thất, dừng lại ở câu lục ngắn gọn để toả ra trong câu bát dài nhất, rồi lại vươn lên trong một khổ mới, cứ thế đợt sóng tình cảm lên xuống ăn khớp với hình thức của ngôn ngữ".

3. Về *Chinh phụ ngâm khúc* (nguyên tác) thì cần lưu ý thêm đến hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Theo học giả Hoàng Xuân Hãn suy đoán thì tác phẩm ra đời khoảng 1741 – 1742. Nhưng nói đến bối cảnh xã hội xuất hiện tác phẩm thì cần mở rộng ra cả nửa đầu thế kỉ XVIII mà cuộc đời tác giả Đặng Trần Côn đã đi qua. Thời đó, đất nước vắng bóng ngoại xâm, chiến tranh nội bộ phong kiến giữa Lê – Mạc cũng đã chấm dứt từ năm 1677, giữa Trịnh – Nguyễn chủ yếu lại thuộc thế kỉ XVII. Năm 1755, chúa Nguyễn đem quân vượt sông Gianh ra Bắc, nhưng lúc này Đặng Trần Côn đã qua đời. Cho nên thời đại Đặng Trần Côn đã sống và sáng tác *Chinh phụ ngâm khúc* là thời đại bắt đầu có các cuộc khởi nghĩa nông dân (vào các năm 1737, 1739, 1740). Trong tình hình đó, triều đình phong kiến đã ra sức đàn áp, gây nên cảnh nhân dân đau khổ, đất nước rối loạn, kinh thành lăm lăm phen náo động. Trong việc nghiên cứu *Chinh phụ ngâm khúc* đã từng có chuyện tranh luận xung quanh vấn đề : Cuộc chiến tranh được nói trong tác phẩm thuộc loại chiến tranh nào : Chống ngoại xâm ? Nội bộ phong kiến ? Đàn áp nông dân khởi nghĩa ? Khuynh hướng chung vẫn cho đó là chiến tranh đàn áp nông dân khởi nghĩa do có sự đối chiếu với hoàn cảnh lịch sử mà Đặng Trần Côn đã sống.

4. Riêng bài *Bánh trôi nước*, sẽ cho HS tự học có hướng dẫn. Với HS ở những vùng không làm bánh trôi và cũng không có tục cúng bánh trôi, GV cần lưu ý

các em đọc kĩ phần Chú thích. Mặt khác để có cơ sở nhận thức bài thơ, GV cần nói cho HS biết về tính đa nghĩa trong thơ nói chung, trong thơ Hồ Xuân Hương nói riêng.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

SAU PHÚT CHIA LI (Trích *Chinh phụ ngâm khúc*)

1. Giới thiệu bài

– GV dựa vào chú thích (★), trang 91, SGK, giải nghĩa *Chinh phụ ngâm khúc* là gì, tác giả là ai, dịch giả là ai. Ngoài ra cũng cần dựa vào mục II.2. *Những điều cần lưu ý* đã nêu, nói qua cho HS hiểu thế nào là thể loại ngâm khúc.

– Về đoạn trích : Đây là đoạn có nội dung thể hiện nỗi sầu của người vợ ngay sau khi tiễn chồng ra trận.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Hoạt động 1. GV hướng dẫn HS dựa vào chú thích (★) tìm hiểu thể thơ song thất lục bát để từ đó nhận dạng thể thơ của đoạn thơ dịch – trích từ *Chinh phụ ngâm khúc* trên các phương diện : hình thức các câu, số chữ trong các câu và cách hiệp vần trong một khổ thơ. GV cũng dựa vào mục II.2 *Những điều cần lưu ý* để cho HS biết sự khác nhau giữa câu 7 chữ trong thể song thất lục bát với câu 7 chữ trong thể thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt (Đường luật) đã học và nói qua về nhạc tính của thể thơ song thất lục bát trong việc diễn tả tâm trạng sầu đau, theo yêu cầu chuyên sâu, chuyên biệt.

Hoạt động 2. GV hướng dẫn HS phân tích bốn câu đầu thông qua hình thức trả lời câu 2, trang 92, SGK theo gợi ý sau : Bằng cách dùng phép đối *Chàng thì đi – Thiếp thì về*, tác giả cho thấy thực trạng chia li đã diễn ra để chàng thì sẽ đi vào cõi xa vắng, thiếp thì sẽ về với cảnh vô võ cô đơn. Sự *cách ngăn* đã là sự thật

khắc nghiệt và nổi sần chia li nặng nề tưởng như đã phủ lên màu biếc của trời mây, trải vào màu xanh của núi ngàn. Hình ảnh *mây biếc, núi xanh* là các hình ảnh góp phần gợi lên cái độ mênh mông, cái tầm vũ trụ của nổi sần chia li.

Hoạt động 3. GV hướng dẫn HS phân tích bốn câu khổ 2 cũng qua hình thức trả lời câu 3, trang 92, SGK theo gợi ý sau : Cũng vẫn bằng cách dùng phép đối *Chàng còn ngảnh lại – Thiếp hãy trông sang*, cộng thêm hình thức điệp ngữ và đảo vị trí của hai địa danh Hàm Dương, Tiêu Tương (*Chốn Hàm Dương – Bến Tiêu Tương / Khói Tiêu Tương – Cây Hàm Dương*), kể cả hình thức chuyển đổi một phần trong cách nói địa danh (*Chốn Hàm Dương* thành *Cây Hàm Dương* ; *Bến Tiêu Tương* thành *Khói Tiêu Tương*), khổ thơ bốn câu này đã tiếp tục diễn tả nổi sần chia li trong độ tăng trưởng (Ở khổ trên, mới nói đến sự *cách ngăn*. Ở khổ này, sự cách ngăn đó đã là mấy trùng). Có điều, sự chia li ở đây là chia li về cuộc sống, về thể xác, trong khi tình cảm, tâm hồn vẫn là gắn bó thiết tha cực độ. Lời thơ, do đó, không chỉ nói nổi sần chia li mà còn nói sự oái oăm, nghịch chường : gắn bó mà không được gắn bó, gắn bó mà phải chia li.

Hoạt động 4. GV hướng dẫn HS phân tích bốn câu khổ cuối cùng vẫn qua hình thức trả lời câu 4, trang 93, SGK : tiếp tục cách dùng phép đối, điệp ngữ, điệp ý (*cùng, thấy, ngàn dâu, xanh xanh, xanh ngắt, cùng trông...*) khổ thơ cuối tiếp tục gợi tả nổi sần chia li oái oăm, nghịch chường theo độ tăng trưởng đã đến cực độ. Ở khổ trên, ít ra còn có địa danh Hàm Dương, Tiêu Tương để có ý niệm về độ xa cách. Nhưng ở khổ cuối này thì xa cách tới độ đã hoàn toàn mất hút vào ngàn dâu không chỉ *xanh xanh* mà còn là *xanh ngắt*. Màu xanh ở độ *xanh xanh* rồi lại *xanh ngắt* trong câu thơ ở đây không liên quan gì đến niềm hi vọng (theo quan niệm màu xanh là màu của hi vọng), mà chỉ là màu để gợi cảnh trời cao đất rộng, thăm thẳm mênh mông, nơi gửi gắm, lan toả của nổi sần chia li. Chữ *sầu* ở câu thơ cuối cùng có vai trò đúc kết, trở thành khối sần, núi sần của cả đoạn thơ. Câu thơ cuối cùng theo các văn bản thường thấy, mang hình thức nghi vấn, "ai sầu hơn ai" không mang ý nghĩa so đo mà chỉ nhấn rõ nổi sần của người chinh phụ trong trạng thái cao độ.

Hoạt động 5. Dành riêng cho HS khá, giỏi.

GV hướng dẫn HS làm việc ở nhà và sẽ kiểm tra ở tiết học sau. Nếu có điều kiện tổ chức làm báo tường thì khuyến khích HS khá, giỏi viết thành những bài báo nhỏ để chọn đăng. Cần lưu ý HS rằng *Chinh phụ ngâm khúc* là tác phẩm có

thành tựu nghệ thuật dùng điệp ngữ vào loại điêu luyện nhất trong lịch sử thơ ca Việt Nam xưa nay.

Hoạt động 6. GV hướng dẫn HS tìm lời đáp cho câu 6, trang 93, SGK bằng cách lấy một phần ý trong Ghi nhớ để trả lời.

Hoạt động 7. GV nhắc HS học thuộc lòng đoạn thơ và làm bài luyện tập ở trang 93, SGK với yêu cầu hiểu được mục đích rèn luyện năng lực phân tích, cảm nhận được độ tinh vi trong nghệ thuật ngôn từ, thấy được sự thống nhất giữa nội dung và hình thức trong văn chương.